

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 163 /2021/DS-ST
Ngày: 29-11-2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Kha
2. Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 273/2021/TLST - DS ngày 28 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 532/2021/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Quách Vũ N, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 08, đường N, khóm 5, phường 5, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Ông Trần Hoàng P, sinh năm 1953. Địa chỉ: Số 32, đường H, khóm 5, phường 1, thành phố C, tỉnh C (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số 46, đường L, khóm 5, phường 6, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Ông Quách T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh C (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Tuyết Ph, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 08, đường N, khóm 5, phường 5, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hoàng P trình bày:

Do có mối quan hệ bạn bè nên ông Quách Vũ N có cho ông Nguyễn Quốc K vay số tiền 1.900.000.000 đồng. Cụ thể như sau: Ngày 22/7/2018, vay 500.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Ngày 26/10/2018, vay 700.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Ngày 30/10/2018, vay 700.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Khi vay có làm biên nhận. Trong quá trình vay, ông K đã đóng lãi cho ông N theo thỏa thuận nhưng không nhớ rõ cụ thể số tiền bao nhiêu. Ngày 31/7/2020 giữa ông N và ông

K đã tiến hành đổi chiều nợ lãi, theo đó ông K còn nợ ông N số tiền lãi là 565.000.000 đồng.

Nay ông N khởi kiện yêu cầu ông K phải trả tổng số tiền 2.988.564.000 đồng trong đó nợ gốc 1.900.000.000 đồng; Nợ lãi từ khi vay đến khi chốt nợ lãi ngày 22/7/2020 là 565.000.000 đồng; Nợ lãi từ ngày 23/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2021 với mức lãi suất 1,66%/tháng bằng số tiền 523.564.000 đồng.

Đối với số tiền lãi 70.000.000 đồng từ việc bán cọc bê tông, ông N nhận của ông K sau ngày chốt nợ lãi, ngày 22/7/2021. Tại phiên tòa, đại diện của ông K xác định: đây là tài sản của Công ty TNHH MTV Tân Đạt Thành, không phải tài sản của ông K nên ông K không yêu cầu đối trừ số này vào tiền lãi, nguyên đơn thống nhất, khi nào có phát sinh tranh chấp về số tiền trên thì Công ty TNHH MTV Tân Đạt Thành sẽ khởi kiện ông N trong vụ án dân sự khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Quách T trình bày:

Ông Nguyễn Quốc K thừa nhận có vay của ông Quách Vũ N tổng số tiền 1.900.000.000 đồng. Thời gian vay, lãi suất vay đúng như đại diện của nguyên đơn trình bày. Trong quá trình vay, ông K đã đóng lãi theo thỏa thuận với số tiền lãi 1.722.000.000 đồng. Khi đóng lãi, vợ chồng ông N có ghi lại sổ sách, ông N giữ, việc đóng lãi chia thành nhiều đợt, không nhớ cụ thể. Đến ngày 22/7/2020 giữa ông K và ông N chốt nợ lãi, theo đó, ông K còn nợ lãi của ông N 565.000.000 đồng.

Do số tiền lãi ông K đóng cho ông N là cao hơn so với quy định nên yêu cầu đối trừ số tiền lãi đã đóng vào số tiền gốc.

Đối với số tiền lãi 70.000.000 đồng từ việc bán cọc bê tông, ông N nhận của ông K sau ngày chốt nợ lãi, ngày 22/7/2021. Đây là tài sản của Công ty TNHH MTV Tân Đạt Thành, không phải tài sản của ông K nên ông K không yêu cầu đối trừ số này vào tiền lãi, khi nào có phát sinh tranh chấp về số tiền trên thì Công ty TNHH MTV Tân Đạt Thành sẽ khởi kiện ông N trong vụ án dân sự khác.

Bà Nguyễn Tuyết P trình bày: Bà không có nhận tiền lãi gì từ ông K, khi ông K đóng lãi cho ông N thì bà chỉ là người ghi chép và đếm tiền giùm, không liên quan gì đến việc ông N cho ông K vay tiền. Do bận công việc gia đình nên bà xin được vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án, bà yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử, giải quyết vắng mặt bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thúy P có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà P là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện, ông N khởi kiện yêu cầu ông K thanh toán tiền đến ngày nộp đơn khởi kiện là 2.215.965.000 đồng. Tại phiên tòa, ông N yêu cầu ông K thanh toán tiền đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.988.564.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu này của ông N không xem là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Quách Vũ N, thấy rằng:

[3.1] Đối với số tiền gốc 1.900.000.000 đồng: Ông Nguyễn Quốc K thừa nhận có vay và còn nợ của ông Quách Vũ N số tiền 1.900.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh. Từ đó có đủ căn cứ xác định ông K còn nợ của ông N số tiền 1.900.000.000 đồng.

[3.2] Đối với khoản tiền lãi:

[3.2.1] Ông N yêu cầu ông K trả lãi cho 03 khoản tiền vay từ ngày 23/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2021 với mức lãi suất là 1,66%/tháng, bằng số tiền 523.564.000 đồng thấy rằng: Theo quy định khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác”, tương đương 1,66%/tháng. Do đó, yêu cầu này của ông N là phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên, số tiền lãi ông K phải đóng cho ông N là $1.900.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 16 \text{ tháng} 06 \text{ ngày} = 510.948.000 \text{ đồng}$, không phải số tiền 523.564.000 đồng như đại diện nguyên đơn xác định. Vì vậy, có căn cứ xác định số tiền lãi ông K phải đóng cho ông N từ ngày 23/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2020 là 510.948.000 đồng.

[3.2.2] Đối với yêu cầu của ông N buộc ông K thanh toán tiền lãi của 03 khoản vay, tính từ ngày vay đến ngày chốt nợ lãi, ngày 22/7/2020 với mức lãi suất của khoản vay 500.000.000 đồng là 3%/tháng và 02 khoản vay 700.000.000 đồng là 5%/tháng bằng số tiền 565.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất các bên thỏa thuận không được vượt 20%/năm, tương đương 1,66%/tháng. Như vậy, so với quy định trên thì mức lãi suất thỏa thuận giữa ông N và ông K là cao hơn so với quy định pháp luật, nên được điều chỉnh.

Tính theo lãi suất thỏa thuận thì số tiền lãi ông K phải thanh toán cho ông N là:

Khoản vay 500.000.000 đồng vay ngày 22/7/2018 với mức lãi suất 3%/tháng thì số tiền lãi ông K phải đóng cho ông N đến ngày 22/7/2020 là: $500.000.000 \text{ đồng} \times 24 \text{ tháng} \times 3\%/\text{tháng} = 360.000.000 \text{ đồng}$.

Khoản vay 700.000.000 đồng, vay ngày 26/10/2018 với mức lãi suất 5%/tháng thì số tiền lãi ông K phải đóng cho ông N đến ngày 22/7/2020 là: $700.000.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ tháng} 26 \text{ ngày} \times 5\%/\text{tháng} = 730.333.000 \text{ đồng}$.

Khoản vay 700.000.000 đồng, vay ngày 30/10/2018 với mức lãi suất 5%/tháng thì số tiền lãi ông K phải đóng cho ông N đến ngày 22/7/2020 là: $700.000.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ tháng} \times 5\%/\text{tháng} = 725.666.000 \text{ đồng}$.

Số tiền ông K phải đóng lãi cho ông N của 03 khoản vay trên đến ngày 22/7/2020 là: $360.000.000 \text{ đồng} + 730.333.000 \text{ đồng} + 725.666.000 \text{ đồng} = 1.815.999.000 \text{ đồng}$.

Tuy nhiên, đến ngày chốt nợ lãi, ngày 22/7/2020, ông K còn nợ ông N số tiền lãi 565.000.000 đồng.

Từ đó có đủ cơ sở xác định số tiền lãi ông K đã đóng cho ông N đến ngày 22/7/2020 là: $1.815.999.000 \text{ đồng} - 565.000.000 \text{ đồng} = 1.250.999.000 \text{ đồng}$.

Trong khi đó, số tiền lãi ông K phải đóng cho ông N theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 682.591.000 đồng, cụ thể:

Khoản vay 500.000.000 đồng vay ngày 22/7/2018 với mức lãi suất 1.66%/tháng thì số tiền lãi ông K phải đóng cho ông N đến ngày 22/7/2020 là: $500.000.000 \text{ đồng} \times 24 \text{ tháng} \times 1.66\%/\text{tháng} = 199.200.000 \text{ đồng}$

Khoản vay 700.000.000 đồng, vay ngày 26/10/2018 với mức lãi suất 1.66%/tháng thì số tiền lãi ông K phải đóng cho ông N đến ngày 22/7/2020 là: $700.000.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ tháng} \times 1.66\%/\text{tháng} = 242.470.000 \text{ đồng}$

Khoản vay 700.000.000 đồng, vay ngày 30/10/2018 với mức lãi suất 1.66%/tháng thì số tiền lãi ông K phải đóng cho ông N đến ngày 22/7/2020 là: $700.000.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ tháng} \times 1.66\%/\text{tháng} = 240.921.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền lãi ông K đã đóng vượt cho ông N theo quy định là: $1.250.999.000 \text{ đồng} - 682.591.000 \text{ đồng} = 568.408.000 \text{ đồng}$.

Đổi trừ số tiền lãi ông K đóng vượt 568.408.000 đồng vào số tiền lãi tính từ ngày 23/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2021 là 510.948.000 đồng. Ông K đóng lãi vượt cho ông N là: $568.408.000 \text{ đồng} - 510.948.000 \text{ đồng} = 57.460.000 \text{ đồng}$. Số tiền này sẽ được đổi trừ vào số tiền gốc 1.900.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền ông K có trách nhiệm thanh toán cho ông N là: $1.900.000.000 \text{ đồng} - 57.460.000 \text{ đồng} = 1.842.540.000 \text{ đồng}$.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N về việc buộc ông K thanh toán số tiền 1.842.540.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N về việc buộc ông K thanh toán số tiền 1.146.024.000 đồng.

Đối với số tiền đóng lãi 70.000.000 đồng ông N bán cọc cho ông K, các đương sự xác định đây là tài sản của Công ty TNHH MTV Tân Đạt Thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi nào có phát sinh tranh chấp thì công ty sẽ khởi kiện ông năng thành vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Quách Vũ N phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Do ông Nguyễn Quốc K có đơn yêu cầu miễn án phí, thuộc đối tượng được miễn án phí nên ông K được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92; Điều 147; Điều 244; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Quách Vũ N.
 - Buộc ông Nguyễn Quốc K phải thanh toán cho ông Quách Vũ N tổng số tiền 1.842.540.000 đồng (Một tỷ tám trăm bốn mươi hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).
 - Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Vũ N về việc buộc ông Nguyễn Quốc K thanh toán số tiền 1.146.024.000 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày ông N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng ông K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Quốc K được miễn án phí. Ông Quách Vũ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 46.389.000 đồng. Ngày 27/5/2021 ông N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 38.160.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (theo biên lai số 0001121) được đối trừ. Ông Quách Vũ N phải nộp tiếp số tiền 8.229.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trương Thanh Quốc